

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP ĐỒN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN CAO THANG Sex: Male
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : (in means: THANG, Nguyễn Cao)
none
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : September 9th 1936 PHÚ THO VN
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 44/12 TÔ 26 Phường 13 Quận Gò Vấp TP Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-từ : id. (as above)
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Free worker *not yet be admitted (incorporated) in The Household Census Books (Family residence status) so no can get any official job.*

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa chồng (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. PHAN THI CON	SEP 17 th 1949	HA NAM	FEMALE	(M)	WIFE
2. NGUYỄN MỸ LAN HUONG	MARCH 14 th 1973	SAIGON	FEMALE	(S)	daughter
3. NGUYỄN CAO THIÊN TRANG	MARCH 17 th 1975	SAIGON	FEMALE	(S)	daughter
4. NGUYỄN CAO SƠN HUY	OCT 05 th 1985	SAIGON	MALE	(S)	Son
5. NGUYỄN CAO THẮNG LONG	JULY 19 th 1988	SG	MALE	(S)	Son
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa chồng), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con ở cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Mọi Hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

NGUYỄN CAO THIÊN AN (Son)
NGUYỄN CAO THIÊN PHƯƠNG (Son)
NGUYỄN VĂN LONG (brother)

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

all

c. Address
Địa-chỉ

C

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

LONG (1975)
PHƯƠNG (1982)
AN (1983)

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

NGUYỄN MỸ LAN HIẾNG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

daughter

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-đình (Sống/Mất)

1. Father
Cha

: NGUYỄN NGỌC BẢO (dec)

2. Mother
Mẹ

: ĐẶNG THỊ BẢO (dec)

3. Spouse
Vợ/Chồng

: PHAN THỊ CÔN (alive)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

none

5. Children
Con cái:

(1)

NGUYỄN CAO THIÊN AN (USA)

(2)

NGUYỄN CAO THIÊN PHƯƠNG (USA)

(3)

NGUYỄN MỸ LAN HIẾNG

(4)

NGUYỄN CAO THIÊN TRĂNG

(5)

NGUYỄN CAO SƠN HUY

(6)

NGUYỄN CAO THĂNG LONG

(7)

All is alive

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

NGUYỄN VĂN LONG

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN CAO THĂNG
 2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____
1966 Sept 1975 April 30th
 3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: CAPTAIN Serial Number: 56/441348
Số thẻ nhân-viên: 56/441348
 4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung: JOINT GENERAL STAFF/J2 (RVNAF EMB)
CDEC of A CO 519th Bn Support Bn APO 96307
(US EMB) Intelligence Center MACV/J2
 5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Major-General Mc CHRISTIAN
- Col. Ajiama 1966-1967. Lieut-Col. NAKAMISHI 1968.
- Major FISHER 1969-70. Lieut-Col (forgot) 1971-72
- Major WYLER 1973 Major SMITH 1973-1995 of US DAO/US EMB.
- Col Hoàng Ngọc Lung 1967-72 Lieut-Col. Nguyễn Quang Ngọc 1966-1970

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

APRIL 30th 1975 East

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

(as described above)

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

1) Infantry School officer 1965 Thu Duc 20th Jan 1966
2) combat intelligence courses 1/66 Cayman School
combat intel course 1/67 Singapore.
3. SECURITY & INTEL HIGH GRADE 1974 Thu Duc.

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen (US Award)

Date received: Signature: RESOR

Ngày nhận: (1971.2)

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☐ No ☒ (X)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bản, giấy-ban-khen, hoặc chứng-chữ nếu có.)

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☒ (X) Every originals had been destroyed / on 30th April 1975

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYEN CAO THANG

Trưởng và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From

Từ:

1967

To

Tới:

1 Month (January)

4. Description of Courses
Mô-tả ngành học

Intelligence School (COMBAT INTEL course)

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện?

US TRUONG THE FOREST HQ of ROYAL ARMY
FORCES of BRITISH - Singapore.

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☒ (X))

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bản, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒ (X))

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYEN CAO THANG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

To:

Tới:

24-6-75

To:

Tới:

18-5-1984

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

X Released

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

Yes

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

All papers and originals concerning to the Military Services
have been destroyed immediately after the surrender signal
broadcast on April 30th 1975 at 11 am. So I would not
deliver any originals, except for the civilian papers only.

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

MAY 1988. 19th

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Birth Certificate of NGUYEN CAO THANG (1 copy)

2. " " " " " " 1 " "

3. " " " " " " 4 " "

4. " " " " " " 1 original

5. " " " " " " 1 " "

6. " " " " " " 1 " "

7. MARRIAGE CERTIFICATE. (THANG CON) 01 copy.

8. PHOTO (pictures) (Individual photo - one each)

9. Released Certificate (01. copy)

10. Family Residence (Census Book of Household) (01 copy)

(my name not yet permitted to incorporate in this Census book of Household)

ODP-B
6/84

11. ID Card Pre-1975 copy

12. Original of one Birth Certf.

With my military address

APD: 4593. (my son

born in Saigon 1971).

ODP CHECK FORM

Date: 4/17/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520 , Telephone #(202) 663-1056

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: NGUYEN CAO THANH

Date of Birth: 9/9/36 Phu Tho VIETNAM

Address in VN 44/12 TÔ 26 Phường 13 Quận Gò Vấp HCM city VN

SPOUSE NAME: Phan Thị Côn

NUMBER OF ACCOMPANYING RELATIVES: (5)

✓ Reeducation Time: 9 Years Months Days

IV # 116-142

VEWL # LOT

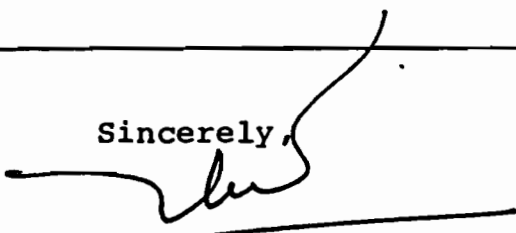
I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List #

Sponsor & Tel.#: Nguyễn Cao Thiên An

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,


KHUC MINH THO

Tel.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

DATE: _____

Re: NGUYEN CAO THANG

Date of Birth: 09-09-36

IV # : 116142

VEWL # : YES

Dear Sir/Madam:

Time in RE-ED: 9 yrs.

In reference to the above case we would like to request that your office please reissue a **Letter of Introduction (LOI)** because the applicant did not receive the original LOI forwarded by you. The LOI is required in order to make application with the Vietnamese authorities for an exit visa.

We would also like to request that the Letter of Introduction be sent to our Association at the address shown above.

Thanking you in advance for your cooperation, consideration and prompt attention regarding this case.

Sincerely yours,

(Mrs.) Khúc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: The applicant has been sponsored by NGUYEN CAO THIEN AN.
_____ as shown in the attachments.

Trại Bại Dục

So 444 CRT

Học tập — Tự do — Hạnh phúc

Mã số 14, 15, 16, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1971



SHSLD

GIẤY RA TRAI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH

ĐÃ THỰC HIỆN

30-278

Ngày 19-11-2006

PHOTO COPY OF THE ORIGINAL

Theo thông tư số 966-BCA/TN ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án và quyết định thi hành án số 252 ngày 15 tháng 1 năm 1964

của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN CAO THĂNG Sinh năm 19 36

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Phủ Thọ.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 44/12, Phường 13 Gò Vấp, TP. HCM

Cán tới Đại ủy trưởng tiêu ban khai thác BB.

Bị bắt ngày 24-6-75 An phát TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của

29th March

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____
 Nay về cư trú tại 44/12 Phường 13, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cũ tạo

Đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm túc, sống và học tập tốt.

Thời hạn quả: 12 tháng.

- Tiền di đườn đã cấp đủ.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường. ST: 10/10/2010, 10/10/2010

Trước ngày 18 tháng 5 năm 1984

Lâm ủy ngôn uò phật

ca. Nguyễn Cao Thắng.

Danh bin số

L40 cad

7. **chir** 6

၂၀၁၀ ခုနှစ် ဇူလိုင်လ ၁ ရက်နေ့
 နေပြည်တော်

Ngày 15 tháng 5 năm 1984



Đã trình diện CAP 13 ngày 16-05-1984

P. 13 ngày 18/05/84

Phó CA

(đã ký và đóng dấu)
Lê Văn Hùng

Số 116/CNHS
CHỨNG NHẬN GIỐNG XÃ HẠNH CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 13

Ngày 17 tháng 5 năm 1984

UBND Phường 13

TU CHỨC TỊCH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 10

Lập ngày 21 tháng 3 năm 19 75

PHƯỜNG Ng-t-Phước

Số hiệu: 547

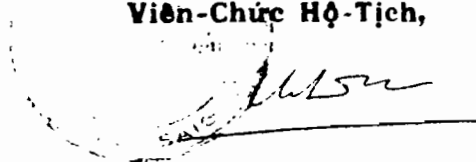
N/Phí

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn CAO Thiên Trang
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Ngày mười bảy tháng ba năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm hồi 22-30 G
Nơi sanh	266 Nguyễn Văn Thoại
Tên họ người cha . .	Nguyễn CAO Thăng
Tên họ người mẹ. . .	Phan thị Cồn
Vợ chánh hay không có hôn-thứ	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn CAO Thăng

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 01 tháng 4 năm 19 75 B/LC

Viên-Chức Hộ-Tịch,



TP. HỒ CHÍ MINH

SỞ Y TẾ

BSV. LƯƠNG KIM VI

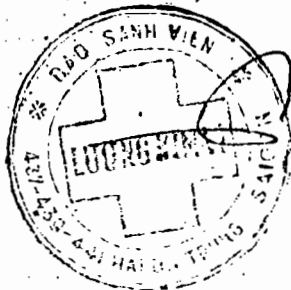
437 HAI-BÀ TRUNG Q3

GIẤY CHỨNG SANH

- Tên họ đứa trẻ (trai hay gái): Nguyễn Cao Thăng Long (nam)
- Ngày sinh: 19 07 1988 Giờ sinh: 15g35'
- Nơi sinh: 437 Hai Bà Trưng Quận 3
- Tên họ người cha: Nguyễn Cao Thăng
- Năm sinh: 1936 Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi ở người cha: 44/12 Hoàng Lò 11 phường 13 Quận 12
- Tên họ người mẹ: Phạm Thị Loan
- Năm sinh: 1948 Nghề nghiệp: Nội trợ
- Nơi ở người mẹ: 44/12 Hoàng Lò 11 phường 13 Quận 12

TP. HỒ CHÍ MINH, ngày... 25 tháng... 07 năm 1988.

NỮ HỘ SINH:



Nguyễn Cao Thăng

Xã, Thị trấn 13
Thị xã, Quận Quảng
Thành phố, Tỉnh H' C M

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 468
Quyển số 02.585

[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN CAO SƠN HUY		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày năm-Thập mười-Năm 1985			
Nơi sinh	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Cao Thắng - 1945		Phan Thị Côn 1948	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp	Công nhân viên		Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	t.t. 44/12 P13-Quận Gò Vấp		44/12 P13-Quận Gò Vấp	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Cao Thắng			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 10 năm 1985

TM/UBND Quận Gò Vấp ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 17 tháng 10 năm 1985
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UVH T

Bùi văn Mười (đặc ý)



BẢN TRÍCH LỤC

BỘ HÔN-THÚ (Bộ

Năm 1967

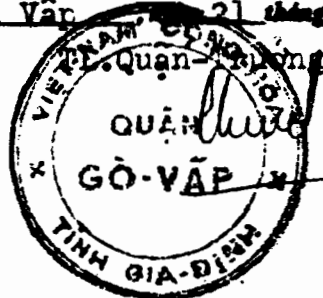
Số hiệu: 131/67

Người chồng : (Tên họ)	NGUYỄN - CAC - THẠNG
Sinh tại :	Hoàng xá, Thanh thủy, Bắc Việt
Sinh ngày :	09-9-1936
Cha chồng : (Tên họ sống chết phải nói)	Nguyễn-Ngọc-Bảo (Chết)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Đặng-Thị-Bảo (sống)
Người vợ (Tên, họ)	PHAN-THỊ-CÔNG
Vợ (chánh hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sinh tại :	Ngọc-Thị, Hà Nam, Bắc Việt
Sinh ngày :	17-9-1948
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Phan-Đỉnh-Chung (sống)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Thị-Thảo (sống)
Ngày cưới :	03-11-1967
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thức không ? Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức.	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
hiện Ủy viên Hộ-tịch Xã AN NHƠN

Gò Vấp

ngày 21 tháng 11 năm 1967



Trích y bản chính :

An Nhơn, ngày 20 tháng 11 năm 1967

Ủy viên Hộ-tịch

TRINH-AN-LƯƠNG

BỘ TƯ PHÁP

SỞ TƯ-Pháp NAM-Phân

Trích-lục văn-kiện thể-vi hồ-tịch lưu trữ tại Phòng Lưu-Trữ
HOA GIẢI RONG QUYÊN TAY NINH
Toà

HOA TAY-NINH

Một bản chánh giấy thể-vi Khai-sinh

Ch. Nộp 24-8-1956 do Nguyễn-cao-Thăng xin cấp đã được

Giấy thể-vi khai-sinh ở TRAN-THIEN-DUC Chánh-Án Toà HGRQ.TAY-NINH

của Nguyễn-Cao-Thăng với tư cách Thẩm-Phán Hoa-Giải, lập ngày 24-8-1956

Ch. số 1298

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1) Nguyễn-hữu-Hội, 2) Nguyễn-văn-Lai, 3) Trần-văn-Thư

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

Nguyễn-Cao-Thăng, nam, sinh ngày 9-9-1936

tại làng Hoàng-xá, tỉnh Phước-Thọ, Bạc-Việt, con của Nguyễn ngọc-Bảo và Đặng-thị-Bắc ./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

TAY-NINH, ngày 7 tháng 5 năm 1965

CHÁNH-LỤC-SU.

Lệ phí: 5\$00.-

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Vũ-sĩ-Nghị

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 10

Lập ngày 19 tháng 02 năm 19 73

PHƯỜNG Ng-tri-Phuong

Số hiệu: 971

Niên phi

Xin đọc là
PHAN THỊ CON

Tên họ đứa trẻ.	PHUYNH THY LAN HUONG
Con trai hay con gái.	Nữ
Ngày sanh.	Ngày mười bốn tháng ba năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba, hồi 17 giờ 00
Nơi sanh.	266 Nguyễn-văn-Thoại
Tên họ người cha.	NGUYEN SOO PHUONG
Tên họ người mẹ.	PHAN THY CON
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Đã có chánh
Tên họ người đứng khai.	PHAN THY CON

TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÍNH T/6

Saigon, ngày 23 tháng 03 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch, Uu

Chapman

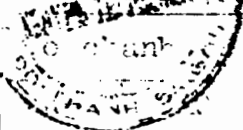
II. CON

Tên họ người mẹ. . .

Vợ chánh hay không
có hôn-thú

Tên họ người
đứng khai.

PHAN



TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 25 tháng 05 năm 19

Viên-Chức Hộ-Tịch, Um

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 10

Lập ngày 19 tháng 05 năm 19 73

PHƯỜNG Ng-tri-Phuong

Số hiệu: 971

Hien phi

Xin đoá là
PHAN THI CON

Tên họ đứa trẻ.	NGUYỄN VĂN LAM PHONG
Con trai hay con gái.	Con
Ngày sanh.	Ngày mười bốn tháng ba năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba, hồi 17 giờ 00
Nơi sanh.	266 Nguyễn Văn Thoại
Tên họ người cha.	NGUYỄN SÓC THANG
Tên họ người mẹ.	PHAN THỊ CON
Vợ chánh hay không có hôn-thứ.	Có chánh
Tên họ người đứng khai.	NGUYỄN VĂN LAM PHONG

TRÍCH LỤC Y BẢN-CHÁNH 7/6

Saigon, ngày 23 tháng 05 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch, *Uu*

Chapman

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm Bảy mươi mốt (1971)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN CAO THIEN AN
Phái	Nam
Ngày sanh	Ngày mười hai tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt hồi 20 giờ 15,
Nơi sanh	266 Nguyen van Thoai
Tên, họ người Cha	NGUYEN CAO THANG
Tuổi	Ba mươi lăm
Nghề-nghiệp.	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	KBC. 4593
Tên, họ người mẹ	PHAN THI CON
Tuổi	Mười ba
Nghề-nghiệp.	Nơi trở
Nơi cư-ngụ	KBC. 4593
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 17 tháng 5 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH:

Saigon, ngày 18 tháng 5 năm 1971

QUÂN-TRƯỞNG QUẬN TÂN MƯỜI,



[Signature]
PHAM-VAN-PHAM

VIỆT - NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ - PHÁP .

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHÂN

TOÀ HOÀ - GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số : **6031/HT** (1)

HTBX/5

Ngày **4** tháng **4** năm 19**57** (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

PHAN THỊ GON

Năm một ngàn chín trăm **57** ngày **4** tháng **4** hồi **10** giờ

Trước mặt chúng tôi là **NGUYEN BA BAO,** Chánh-án Toà Hoà-Giải
Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
NGUYEN KIM PHONG, phụ-tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— **PHAN LAC TAO**

2.— **HOANG VAN DI**

3.— **NGUYEN VAN TUAN**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

PHAN THỊ GON

sinh ngày **17-9-1948** tại **Ngũc Thĩ, Hà Nam,**
con của **PHAN ĐÌNH CHUNG** và **NGUYỄN THỊ THẢO;**

Và duyên cớ mà **cha thĩ**
khai-sanh được, là vì **sĩ giao thông gián đoạn.**

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Cảnh-cải phạt tội nguy-chứng về việc lịa từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày **21** tháng **11** năm 19**67**

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TÊN : 5000

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao:

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

SỞ CẤP SẴN SẴN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

IỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Số: 161667 CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện, quận:

Số: 282
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xét trình tại UBND Phường 13

Ngày 2 tháng 8 năm 1987

UBND Phường 13

CHỦ TỊCH



Số NK3

Chị Liên



Đại Ủy Lung Công Hòa

Ngày 10 tháng 05 năm 1987

Trưởng công an An ninh Quận

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Văn Công	Chủ hộ	Nam	1948	020902135	Đền Lương	01.10.1976		
02	Nguyễn Văn Sinh	Con	Nam	1967		Môc. Sinh	01.10.1976	Viết biên 25.6.83	
03	Nguyễn Văn Công	Con	Nữ	1969			01.10.1976	Ưông lý 16.4.85	
04	Nguyễn Văn Công	Con	Nam	1971			01.10.1976		
05	Nguyễn Văn Công	Con	Nữ	1973			01.10.1976		
06	Nguyễn Văn Công	Con	Nữ	1975			01.10.1976		
07	Nguyễn Văn Công	Con	Nam	1985			30.11.1980		



VIỆT NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số

0402448

Họ Tên

PHAN-THỊ-CON



Ngày, nơi sinh

17/9/1948

Ngọc-Thị-Hà-Nam

Cha

Phan-Dinh-Chung

Nguyen-Thi-Thao

Định chi

41 Ấp Tân Hiệp/TSN/G.D.

Dấu vết riêng: -Seo dài ngang
giữa gò má phải.

Cơ: 1 th 53 C.-

Năng: 45

Chữ ký đường sọt:

Tân-Bình... ngày 11/3/19 70

TRƯỞNG CHI CSQG TÂN-BÌNH

TRƯỞNG-HỮU-CHẤT.

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020902135**

Họ tên **PHAN THỊ CÔN**



Sinh ngày **17-9-1948**

Nguyên quán **Ngọc Thị,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú **44/12, 26-3**

Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

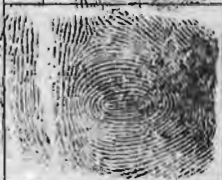
Thiên Chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong 2cm cách
3,5cm dưới đuôi mắt
phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 25 tháng 1 năm 1979

THỦ LƯU GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN Q. GÒ VẤP



Minh
Tu Chinh

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam



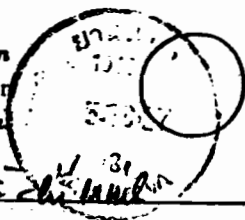
ĐD. 29
(29 và 29a cũ)
C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception
Trả tiền
Payement



(3) Địa chỉ: NGUYỄN CAO THĂNG
Adresse 44/12 E 13 Đường Cầu Giấy TP. Hà Nội

(3) ở (à) _____ nước (Pays): CHUNG HÒA VIỆT NAM

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ «Hoàn lại bằng máy bay»
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente «Renvoi par avions»
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh (Par avion).
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

ký gửi tại Bureau cục
déposé au bureau de poste de

TP/HCM

ngày
le

11/9/1984
19

số

sous le no

1127

địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

THE OFFICE AMERICAN EMBASSY
131 Gai Tien Giang SATHORN THIRAD BANGKOK 10120
THAILAND

Ghi ở Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

9 28-8

Chữ ký nhân viên
Bureau cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền »
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

HCM ngày 8.8.88

Kính thưa Bà Hội trưởng,

Kính xin Bà cố gắng giúp đỡ cho
tình trạng của tôi và gia đình trong tình
trình ODĐ như sau:

- Tên: NGUYỄN THANH MÃU
Trung-uy, 50/Hà Nội quân TĐ và giáo viên
Thời gian chờ tạo: 7 năm 10 ngày
(từ 27-6-75 đến 7.7.82)
Hiện chưa được nhập khẩu thi phố
nên chưa có công việc làm.
- Gia đình: 1 vợ và 05 con.
Ba con gái đã tốt nghiệp Trung học
chưa vào Đại học được.
Hai con trai đang học lớp 10 và 12.
Đi kinh tế nội và về được nhập
khẩu thành phố từ 17.6.88.
Không nhà cửa. Ở nhờ chung Bô me.
- Đã nộp đơn ODĐ tháng 10-1984
và được cấp số IV. 207330.
Chưa có LOI.
- Địa chỉ: Nguyễn Thanh Mẫu
232 Đường 16 - Gò Vấp -
Kính xin chân thành cảm ơn Bà.

Vì bận phải nắn, >

Kính xin Bà thủ lời cho hình thức của lá thư.

Mẫu

CÁC HỒ SƠ phải nộp đủ

(as listed)

- | | <u>copy</u> | <u>originals</u> |
|--|--------------|--|
| 1. Birth certificate
(for each of members
of whole family) | phi.
yes. | có sẵn ở VN
- |
| 2. Marriage certificate | phi | có sẵn ở VN |
| 3. Ident. Card pre-1975
of PHON THI CEN (wife) | phi | - |
| 4. ID card (SRV now) | phi | có sẵn ở VN |
| 5. Household Centwbooks | phi | có sẵn ở VN |
| 6. Photo 3x4 (for each)
(ghép từng vào sau ảnh) | yes. | |
| 7. Giấy làm sổ Mỹ | No. | |
| 8. Giấy đi học nước ngoài | →
No | originals
destroyed, no copy
available. |
| 9. Giấy chứng nhận có lương
cho chính phủ hoặc QĐ/VNCH. | →
No | 1 giấy khai sinh con, có thể bị hủy
kể 1973 - những giấy này
destroyed. id |
| 10. Award, recommendation etc. | →
No | destroyed. id |
| 11. Giấy chứng nhận quân nhân
Rank, function - ID Card. | →
No | destroyed id. |
| 12. Giấy ra trại (or copy,
Release certificate), | yes. | |
| 13. Any papers as needed. | No. | destroyed. id. |

(ghi theo list của Phòng ODP/US EMBASSY.)

ODP Box 58 APO SAN FRANCISCO

96346 - 0004 USA.

Saigon ngày 1-8-1988

Kính gửi Bà Mỹ Thơ

Xin cho phép chúng tôi được gọi bằng Bà để cho đúng sự kính trọng chúng tôi dành cho Bà trong cương vị cũ như một Secretary hiện giờ. Nhưng gọi Bà "cô" và xa xôi quá, vậy xin cho phép được gọi bằng "Chị" "Đ" vừa trẻ trung vừa thân ái hơn, phải không chị?

Tôi xin tự giới thiệu: Nguyễn Cao Tường, cựu Đại úy của Chế độ cũ, học tập cải tạo, 9 năm, về ngày 15-5-84 - hiện ở Xóm mới Gò Vấp, ở chung toàn là bạn thân của gia đình từ xưa tới nay. Chính việc toàn ma gia đình tôi mới được hân hạnh viết cho chị những dòng này. Trước hết, xin gửi những lời thân ái và chúc sức khỏe nồng nhiệt nhất, gửi đến chị và quý quyến. Kính chúc mọi sự may mắn và hạnh phúc nhất.

Sau đó xin chị một việc quan trọng, như chị cho là giúp chúng tôi làm hồ sơ ODP. Thực ra, ngay từ ngày về, chúng tôi đã chạy đủ chỗ, đủ nơi, gửi theo hệ bạn cũ bạn mới nhưng chị? được trả lại có 1 lần bằng 1 biên nhận hồ báo Post Receipt-back đã nhận do Thái Lan trả lại (lời 1984) Thế thôi và từ đó, làm bao phen mà cũng chưa kết quả - thậm chí 1 số IV cũng không có. Nay nhờ Toàn giới thiệu, mới biết chị rất quan tâm giúp đỡ những anh em cải tạo về - trong đó có chúng tôi. Vì vậy, xin chị làm ơn bớt chút thời giờ, chỉ dạy

cho và giúp cho hồ sơ chúng tôi gửi đầy đủ kết quả. Xin cảm ơn chị thật nhiều. Chúc chị khỏe mạnh và chúng tôi xin chờ cảm ơn chị một lần nữa.

Hồ sơ gửi vậy từ như yêu cầu. Nếu còn thiếu sót, cần bổ túc gì - xin chị hướng dẫn, chúng tôi sẽ thực hiện ngay. Có thể, danh sách đã gửi hơi rối. Nhưng còn nước còn tát chị à. Vì toàn, chị hãy giúp đỡ chúng tôi, chắc toàn sẽ viết cho chị về việc này.

Cảm ơn chị

chg
Nguyễn Cao Tường

TB

Xin phép chị, cho tôi được kể vài dòng về lý lịch quân nhân, xem có thể là thiếu không:

Tôi: Sinh viên quan chức 20 Tháng 10 1965, Ra Trường về ngành quân báo phục vụ tại phòng như Bộ Tổng Tham mưu - đặc biệt, làm tại Bộ Tư lệnh MACV của Mỹ, người Việt, làm bên camp Mỹ (Combined, mixed unit) vì vậy tôi có 2 khu biên chính (APO) Việt là KAC 3903 hoặc 4002/2 Mỹ là APO. 96307 - đơn vị Đại đội 4 Tiểu đoàn Yểm trợ S19/BTL MACV P2.

du học Malaysia năm 1967 Mỹ Đại Thúc
Dạy học cho Trung Camp Sat quốc gia
Malaysia 3 tháng tại Ipoh và Kuala
Lumpur 1972-1973. Được thưởng
1 huy chương lực lượng Hoa Kỳ US ARMY
MEDAL do Bộ Tổng lực lượng Reser
Kỹ (năm 1971) - Lầu tại đó đến 1973,
Mỹ rút, đơn vị lực lượng nước Tự viên
quân ở DAO Defense Attache Office
của US Embassy ở Tân Sơn Nhứt.
Đến 30-4-75 - Tân Cảng - kết và
vay thì làm giấy như chữ đây.

Tất cả giấy tờ bản dịch tên
thất lạc (để hông số, số chạy hết -
chạy còn tí gì chứng minh. Muốn
chất đủ để chỉ biết Priority tên
mười nào. Computer có an số quân
56/141-368 là ở từ tên. Phải hơn?
Thôi, Trăm sự như chữ - Vay giúp
đó chứng từ - và dùng từ này để
ghi an chỉ. Chữ chỉ muốn vào
hàng phục, rồi (dịch) và (dịch) công
nhân nhất.

Sincerely yours

chg

Ngô Cao Chung

TB. Chỉ cho thấy em
chúng tôi kể từ
"by the way" thôi,
tên người dân Mân
Kam theo đây.
Xin bạn từ chg.

Thỉnh gửi

Ba

Minh Thúc

Xóm mố: 7/8/88.

Kính chi Khưu-minh-Thô.

Thưa chi, chúng tôi xin chân thành gửi đến chi và gia đình lời cảm ơn nồng nhiệt và trân trọng với những chuyến quà mà chi và gia đình đã đặt được, cũng là cần chú ý tốt lành nhất.

Thưa chi, qua những lần trước với sự giúp đỡ của chi một số bạn bè đã tin viết thư và gửi họ số quà như chi giúp đỡ đều đã nhận được thư riêng của chi nên rất tin tưởng và phấn khởi.

Riêng anh Nguyễn - Cao Thắng cũng đã làm họ số quà qua Bangkok cho tới nay chi nhận được lời báo, vì thế đi vắng tin lớn (mặc dù là Sĩ quan cải tạo) chúng tôi cũng xin chi bớt chút thời giờ, cũng như những lần trước chi giúp đỡ và nếu có thể nữa xin cho bớt thêm chi tiết và kết quả. Chân thành cảm ơn chi và gia đình.

Vô cùng Tắc-Tôn.

135/1508 tổ 5 Phường 13 Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đỗ Văn Tắc.

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

OCT 10, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN CAO THANG	BORN	9 SEP 36	(IV 116142)
PHAN THI CON	BORN	17 SEP 48	WIFE
NGUYEN PHAN THI QUYNH TIEN	BORN	24 JUN 69	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN MY LAN HUONG	BORN	14 MAR 73	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN CAO THIEN TRANG	BORN	17 MAR 75	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 44/12 TO 26
P 13
GO VAP
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 36793

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY,

David C. Pierce
DAVID C. PIERCE
COUNSELOR OF EMBASSY
REFUGEE, MIGRATION AFFAIRS
BANGKOK, THAILAND

ODP-I
07/88 9550550

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

OCT 10, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN CAO THANG	BORN	9 SEP 36	(IV 116142)
PHAN THI CON	BORN	17 SEP 48	WIFE
NGUYEN PHAN THI QUYNH TIEN	BORN	24 JUN 69	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN MY LAN HUONG	BORN	14 MAR 73	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN CAO THIEN TRANG	BORN	17 MAR 75	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 44/12 TO 26
P 13
GO VAP
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 36793

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY,

David C. Pierce
DAVID C. PIERCE
COUNSELOR OF EMBASSY
REFUGEE, MIGRATION AFFAIRS
BANGKOK, THAILAND

ODP-I
07/88

9550550



Embassy of the United States of America

DATE: OCT 20, 89

IV: 116142

PA: NGUYEN CAO THUNG

KHUC MINH THO

P. O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

Dear KHUC MINH THO

This is in response to your inquiry of JUN 30, 89 regarding the above mentioned ODP applicants.

A Letter of Introduction (LOI) for this case was issued on OCT 6, 89. As it appears that the LOI was never received we are issuing another.

The applicants should present the LOI to the security office in the area where they live in conjunction with their application for emigration.

Some family members may not be included on the LOI. These would include sons and daughters over 21 years of age or other relatives who do not have their own eligibility, such as a current immigrant visa petition. While they are not eligible for inclusion on the LOI, should they appear for interview with the other eligible family members their dependancy and eligibility for the program will be determined at that time.

No further action will be taken on this case until their names appear on a list of names received from the Vietnamese authorities as being eligible for interview by the ODP. The compilation of this list is under the control of the Vietnamese authorities.

If the applicants receive exit permits, passports or other indication that their names have been presented to the U.S. authorities, it should be seen as a good sign. However, they should be advised that it is often months between the notification of the applicants and the actual receipt of the list by the U.S. ODP. ODP must receive this list before they can be considered for interview. Once their names appear on a list the file will be reviewed and, when determined to be documentarily complete, their names will be proposed for interview by ODP staff in Vietnam. Any additional documentation will be requested from the anchor relative in the U.S.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

INSTRUCTIONS

Enclosed is a Letter of Introduction (LOI) which you should send to your relatives/friends in Vietnam to help them obtain Exit Permits from the Vietnamese authorities. They should present this LOI to their local People's Committee when they apply for Exit Permits.

Please understand that a Letter of Introduction does not guarantee that your relatives/friends will receive exit permission. Getting Exit Permits depends on your relatives/friends and the Vietnamese authorities. Your relatives/friends may have to apply several times.

Please keep us informed of any change in your address, or in the address of the persons named in the Letter of Introduction. Always refer to their file (IV) numbers when you communicate with us.

If your relatives/friends are already in possession of Exit Permits, they should request to be interviewed, and should also ask for a medical examination.

Our address when writing from the United States is:

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Our address when writing from Vietnam is:

Tổ Công-Tác Việt-Nam
6 Chu-Van-An
Hà-Nội



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

INSTRUCTIONS

Enclosed is a Letter of Introduction (LOI) which you should send to your relatives/friends in Vietnam to help them obtain Exit Permits from the Vietnamese authorities. They should present this LOI to their local People's Committee when they apply for Exit Permits.

Please understand that a Letter of Introduction does not guarantee that your relatives/friends will receive exit permission. Getting Exit Permits depends on your relatives/friends and the Vietnamese authorities. Your relatives/friends may have to apply several times.

Please keep us informed of any change in your address, or in the address of the persons named in the Letter of Introduction. Always refer to their file (IV) numbers when you communicate with us.

If your relatives/friends are already in possession of Exit Permits, they should request to be interviewed, and should also ask for a medical examination.

Our address when writing from the United States is:

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Our address when writing from Vietnam is:

Tổ Công-Tác Việt-Nam
6 Chu-Van-An
Hà-Nội

Orderly Departure Program
American Embassy
APO San Francisco 96346

NGUYEN CAO THANG
44/12 TO 26
P 13
GO VAP
T/P HO CHI MINH
VIET NAM

IV Number : 116142

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction
Instructions

COM /TL

Orderly Departure Program
American Embassy
APO San Francisco 96346

NGUYEN CAO THANG
44/12 TO 26
P 13
GO VAP
T/P HO CHI MINH
VIET NAM

IV Number : 116142

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction
Instructions

COM /TL

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

OCT 10, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN CAO THANG	BORN	9 SEP 36	(IV 116142)
PHAN THI CON	BORN	17 SEP 48	WIFE
NGUYEN PHAN THI QUYNH TIEN	BORN	24 JUN 69	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN MY LAN HUONG	BORN	14 MAR 73	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN CAO THIEN TRANG	BORN	17 MAR 75	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 44/12 TO 26
P 13
GO VAP
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 36793

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEU, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY,


DAVID C. PIERCE
COUNSELOR OF EMBASSY
REFUGEE & MIGRATION AFFAIRS
BANGKOK, THAILAND

ODP-I
07/88

9550550

FROM ĐỒ VẦN TẶC
135/1508 TỐ 5 F.13.
Q. Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh
VIETNAM

PAR AVION



PAR AVION VIA AIR MAIL

TO MRS KHUẾ MINH THƠ
PO BOX 5435
ARLINGTON VA. 22205.
0635.

U.S.A

DEPARTMENT OF STATE, U.S.A.

OFFICIAL BUSINESS

PENALTY FOR PRIVATE USE, \$300

AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP)
BOX 58
APO SAN FRANCISCO 96346-0001

OCT 28 1989

AN EQUAL OPPORTUNITY EMPLOYER

NGUYEN CAO THANG
C/O KHUO MINH THO
FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P. O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635



POSTAGE AND FEES PAID
DEPARTMENT OF STATE
STA-501

PHOTOS

of (1) THẮNG

(2) CÔN

(3) TRAMP

(4) em bé lầy

(5) em bé mới sinh.
e chưa có photos.



NGUYỄN
CAO
TƯỞNG

SN 56/141.348
KHC 4593

PHAN
THỊ CÔN

1948

NGUYỄN
CAO
TIỀN
TRANG

1975

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

4/17/89;

1/2 m